

Số: 111/TB-CNGN

Gia Nghĩa, ngày 12, tháng 12 năm 2017

THÔNG BÁO
Về thời gian mở nước phục vụ
vụ Đông Xuân năm 2017 – 2018 trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa

Thực hiện sự chỉ đạo của UBND thị xã Gia Nghĩa theo nội dung Công văn số 1892/UBND-KT ngày 05/12/2017, về việc tăng cường sản xuất vụ Thu đông năm 2017 và hướng dẫn sản xuất vụ Đông xuân 2017-2018;

Thực hiện sự chỉ đạo của Lãnh đạo Công ty theo nội dung Công văn số 460/KTTT-KTVH ngày 29/11/2017, về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch điều tiết nước vụ Đông xuân 2017-2018;

Căn cứ nhu cầu đăng ký và thời gian sử dụng nước của các đơn vị trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa,

Chi nhánh thị xã Gia Nghĩa - Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông, thông báo thời gian mở nước phục vụ vụ Đông Xuân năm 2017 – 2018 trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa như sau:

1. Thời gian mở nước được chia thành các đợt tưới phù hợp với tình hình thời tiết, thời đoạn sinh trưởng của các loại cây trồng tại các khu tưới của từng công trình cụ thể.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

2. Trong quá trình thực hiện, Chi nhánh thị xã Gia Nghĩa sẽ phối hợp với các đơn vị sử dụng nước điều chỉnh thời gian, lưu lượng mở nước cho phù hợp với tình hình thực tế.

Vậy, Chi nhánh thị xã Gia Nghĩa thông báo đến các đơn vị sử dụng nước trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa biết, cùng phối hợp thực hiện, đảm bảo tưới cho vụ Đông Xuân năm 2017 – 2018 đạt kết quả tốt./.

Nơi nhận:

- UBND thị xã Gia Nghĩa; (để b/cáo)
- Phòng Kinh tế thị xã Gia Nghĩa; (để b/cáo)
- Công ty; (để b/cáo)
- UBND các xã, phường; (để p/hợp)
- Các thôn, bon, tổ dân phố; (để p/hợp)
- G/đ, Phó G/đ Chi nhánh;
- Lưu VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Mai Văn Tú

MẪU BẢNG TỔNG HỢP LỊCH THỜI VỤ, KẾ HOẠCH ĐIỀU TIẾT CÁC CTTL VÀ PHƯƠNG ÁN CHỐNG HẠN VỤ ĐÔNG XUÂN 2017-2018
CHI NHÁNH: THỊ XÃ GIA NGHĨA

(Kèm theo Thông báo số: *441* /TB-CNGN, ngày *12* tháng 12 năm 2017 của Chi nhánh thị xã Gia Nghĩa)

STT	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy (dự kiến) (từ ngày đến ngày)			Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày (dự kiến)	Thời gian thu hoạch (dự kiến)	Nhận định nguồn nước đảm bảo		Vận hành điều tiết					Phương án chống hạn	Ghi chú
				Gieo mạ	Gieo sạ	Cấy			% DT	đến ngày	Tháng 01	Tháng 02	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5		
I	CTTL Fai Kol Pru Đẳng, xã Đắk Nia																
<i>1</i>	<i>Khu tưới Bon Fai Kol Pru Đẳng, thôn/buôn Bon Fai Kol Pru Đẳng, xã/Đắk Nia</i>																
	Rau, màu, cây ngắn ngày	7,91	40-80	-	-	-	01/2 - 11/2	10/4 - 15/4	100	15/4	 -	01/2-11/2	01/3-12/3	2/4-15/4			
	Cây CN dài ngày	78,75	-	-	-	-	-	-	100	15/4	 -	01/2-11/2	01/3-12/3	2/4-15/4			
2	Khu tưới Thôn Đồng Tiến, thôn Thôn Đồng Tiến, xã Đắk Nia																
	Rau, màu, cây ngắn ngày	11,04	40-80	-	-	-	01/2 - 11/2	10/4 - 15/4	100	15/4	 -	01/2-11/2	01/3-12/3	2/4-15/4			
	Cây CN	72,32	-	-	-	-	-	-	100	15/4	 -	01/2-11/2	01/3-12/3	2/4-15/4			
	Thủy sản	0,11	-	-	-	-	-	-	100	15/4	 -	01/2-11/2	01/3-12/3	2/4-15/4			
II	CTTL hồ Đắk Cút xã Đắk Nia																
	<i>Khu tưới Thôn Đắk Tân, thôn Đắk Tân, xã Đắk Nia</i>																
	Lúa	20,11	110-120		15/1 - 20/1		-	30/4 - 10/5	100	25/4	15/1-25/1	15/2-25/2	10/3-25/3	10/4 - 25/4			
	Rau, màu, cây ngắn ngày	7,85	40-80	-	-	-	15/1 - 20/1	20/2 - 30/3	100	15/3	15/1-25/1	15/2-25/2	10/3-25/3	 -			
	Cây CN dài ngày	135,92	-	-	-	-	-	-	100	20/2	15/1-25/1	15/2-25/2	10/3-25/3	10/4 - 25/4			
	Thủy sản	2,31	-	-	-	-	-	-	100	25/3	15/1-25/1	15/2-25/2	10/3-25/3	10/4 - 25/4			
III	CTTL Đắk Noh, xã Đắk Nia																
	<i>khu tưới Bon Srê Ú, xã Đắk Nia</i>																
	Rau, màu, cây ngắn ngày	14,45	40-80	-	-	-	20/1-30/1	28/2-25/4	100	25/4	20/1-30/1	15/2-25/2	13/3-25/3	10/4-25/4			
	Cây CN dài ngày	130,13	-	-	-	-	-	-	100	25/4	20/1-30/1	15/2-25/2	13/3-25/3	10/4-25/4			
IV	CTTL Đắk Rial																
	<i>Khu tưới Bon Bu Sốp, tBon Bu Sốp, xã Đắk Nia</i>																
	Rau, màu, cây ngắn ngày	0,44	40-80	-	-	-	20/1-30/1	28/2-15/4	100	15/4	20/1-30/1	10/2-20/2	1/3-15/3	1/4-15/4			
	Cây CN	25,96	-	-	-	-	-	-	100	15/4	20/1-30/1	10/2-20/2	1/3-15/3	1/4-15/4			
	Thủy sản	0,56	-	-	-	-	-	-	100	15/4	20/1-30/1	10/2-20/2	1/3-15/3	1/4-15/4			
V	CTTL Thôn 2B xã Đắk Nia																
	<i>Khu tưới thôn Nghĩa Thuận, xã Đắk Nia</i>																



STT	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy (dự kiến) (từ ngày đến ngày)			Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày (dự kiến)	Thời gian thu hoạch (dự kiến)	Nhận định nguồn nước đảm bảo		Vận hành điều tiết					Phương án chống hạn	Ghi chú
				Gieo mạ	Gieo sạ	Cấy			% DT	đến ngày	Tháng 01	Tháng 02	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5		
	Rau, màu, cây ngắn ngày	27,49	40-80	-	-	-	20/1-30/1	28/2-15/4	100	14/3	20/1-30/1	5/2-10/2 25/2-28/2	10/3-14/3				
	Cây CN dài ngày	21,28							100	14/3	20/1-30/1	5/2-10/2 25/2-28/2	10/3-14/3				
VI	CTTL hồ Nam Dạ xã Đắk Nia																
	<i>Khu tưới Thôn Nam Dạ, xã Đắk Nia</i>																
	Lúa	3,11	110-120		2/2-19/2		-	30/4 - 15/5	100	9/5		5/2-19/2	3/3-17/3	29/3-12/4	21/4-9/5		
	Rau, màu, cây ngắn ngày	10,03	40-80	-	-	-	2/2-19/2	10/3 - 30/4	100	30/4		5/2-19/2	3/3-17/3	29/3-12/4			
	Cây CN dài ngày	133,66	-	-	-	-	-	-	100	9/5		5/2-19/2	3/3-17/3	29/3-12/4	21/4-9/5		
	Thuỷ sản	5,4	-	-	-	-	-	-	100	9/5		5/2-19/2	3/3-17/3	29/3-12/4	21/4-9/5		
VII	CTTL hồ Đắk Nút, Phường Nghĩa Đức								100	9/5		5/2-19/2	3/3-17/3	29/3-12/4	21/4-9/5		
	<i>Khu tưới tổ 5, phường Nghĩa Đức</i>																
	Rau, màu, cây ngắn ngày	9,8	40-80	-	-	-	10/2-15/2	20/3-5/4	100	5/4		10/2-15/2 15/2-1/3	15/3-20/3	1/4-5/4			
	Cây CN dài ngày	118,27	-	-	-	-	-	-	100	5/4		10/2-15/2 15/2-1/3	15/3-20/3	1/4-5/4			
	Thuỷ sản	4,52	-	-	-	-	-	-	100	5/4		10/2-15/2 15/2-1/3	15/3-20/3	1/4-5/4			
VIII	CTTL Rẫy Mới, xã Quảng Thành																
	<i>Khu tưới tổ 4, phường Nghĩa Đức</i>																
	Cây CN dài ngày	153,32	-	-	-	-	-	-	100	10/4		5/2-10/2 25/2-2/3	20/3-25/3	5/4-10/4			
	Thuỷ sản	0,66	-	-	-	-	-	-	100	10/4		5/2-10/2 25/2-2/3	20/3-25/3	5/4-10/4			
IX	CTTL hồ Tổ 5, phường Nghĩa Trung																
	<i>Khu tưới tổ 5, phường Nghĩa Trung</i>																
	Cây CN dài ngày	22	-	-	-	-	-	-	100	15/4	20/1-30/1	15/2-25/2	10/3-20/3	5/4-15/4			
X	CTTL Nghĩa Phú, phường Nghĩa Phú																
	<i>Khu tưới tổ 4, phường Nghĩa Phú</i>																
	Rau, màu, cây ngắn ngày	0,6	40-80	-	-	-	10/2-15/2	20/3-5/4	100	5/4		10/2-15/2 15/2-1/3	15/3-20/3	1/4-5/4			
	Cây CN dài ngày	28,82	-	-	-	-	-	-	100	10/4		5/2-10/2 25/2-2/3	20/3-25/3	5/4-10/4			

STT	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy (dự kiến) (từ ngày đến ngày)			Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày (dự kiến)	Thời gian thu hoạch (dự kiến)	Nhận định nguồn nước đảm bảo		Vận hành điều tiết					Phương án chống hạn	Ghi chú
				Gieo mạ	Gieo sạ	Cấy			% DT	đến ngày	Tháng 01	Tháng 02	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5		
	Thủy sản	0,52	-	-	-	-	-	-	100	10/4		5/2-10/2 25/2-2/3	20/3-25/3	5/4-10/4			
XI	CTTL Sinh Ba, phường Nghĩa Trung																
	<i>Khu tưới tổ 5, phường Nghĩa Tân</i>																
	Rau, màu, cây ngắn ngày	0,8	40-80	-	-	-	31/1-9/2	10/2-20/3	100	2/4	31/1-9/2	26/2-7/3	23/3-2/4				
	Cây CN dài ngày	79,78	-	-	-	-	-	-	100	2/4	31/1-9/2	26/2-7/3	23/3-2/4				
	Thủy sản	0,5	-	-	-	-	-	-	100	2/4	31/1-9/2	26/2-7/3	23/3-2/4				
XII	CTTL Tân Hiệp 1, xã Đắc R'Moan								100	2/4	31/1-9/2	26/2-7/3	23/3-2/4				
1	<i>Khu tưới thôn Tân Hiệp xã Đắc R'Moan</i>																
	Rau, màu, cây ngắn ngày	8,69	40-80	-	-	-	20/1-30/1	28/2-10/4	100	15/4	20/1-30/1	10/2-20/2	1/3--15/3	1/4-15/4			
	Cây CN dài ngày	136,48	-	-	-	-	-	-	100	15/4	20/1-30/1	10/2-20/2	1/3--15/3	1/4-15/4			
2	<i>Khu tưới thôn Tân Lợi xã Đắc R'Moan</i>								100	15/4	20/1-30/1	10/2-20/2	1/3--15/3	1/4-15/4			
	Rau, màu, cây ngắn ngày	11,87	40-80	-	-	-	20/1-30/1	28/2-10/4	100	15/4	20/1-30/1	10/2-20/2	1/3--15/3	1/4-15/4			
	Cây CN dài ngày	85,33	-	-	-	-	-	-	100	15/4	20/1-30/1	10/2-20/2	1/3--15/3	1/4-15/4			
	Thủy sản	0,8	-	-	-	-	-	-	100	15/4	20/1-30/1	10/2-20/2	1/3--15/3	1/4-15/4			
3	<i>Khu tưới thôn Tân Hòa xã Đắc R'Moan</i>								100	15/4	20/1-30/1	10/2-20/2	1/3--15/3	1/4-15/4			
	Rau, màu, cây ngắn ngày	0,77	40-80	-	-	-	20/1-30/1	28/2-10/4	100	15/4	20/1-30/1	10/2-20/2	1/3--15/3	1/4-15/4			
	Cây CN dài ngày	31,13	-	-	-	-	-	-	100	15/4	20/1-30/1	10/2-20/2	1/3--15/3	1/4-15/4			

